

QUY CHẾ

Về việc thực hiện chế độ chính sách và xét, cấp học bổng đối với người học tại Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1341 /QĐ-ĐHNH ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này áp dụng tại trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Trường).

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với người học tại Trường, bao gồm: sinh viên đại học chính quy (chương trình chuẩn, chương trình chất lượng cao - tiếng Anh bán phần, chương trình đào tạo đặc biệt, chương trình quốc tế song bằng, chương trình lớp học tinh hoa – elite class) và học viên, nghiên cứu sinh (chương trình thạc sĩ, chương trình tiến sĩ).

Điều 2. Các chế độ chính sách và học bổng

1. Chế độ chính sách

- Miễn, giảm học phí
- Trợ cấp xã hội
- Hỗ trợ chi phí học tập

2. Học bổng

- Học bổng Khuyến khích học tập
- Học bổng Ngân hàng
- Học bổng xã hội. Bao gồm:
 - Học bổng Thương hỗ
 - Học bổng Tài năng
 - Học bổng Quốc tế
 - Học bổng khác.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Việc thực hiện chế độ chính sách và xét, cấp học bổng đối với người học phải đảm bảo đúng các văn bản pháp luật của Nhà nước và quy định của Trường.



2. Đảm bảo đúng đối tượng và thời hạn đối với người được hưởng.
3. Đảm bảo công khai, công bằng, minh bạch.

CHƯƠNG II

NỘI DUNG CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH

Điều 4. Miễn, giảm học phí

Trường thực hiện miễn, giảm học phí đối với các đối tượng được quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

1. Đối tượng được miễn, giảm học phí

a) Đối tượng được miễn học phí

- Sinh viên là người có công với cách mạng và/hoặc thân nhân của người có công với cách mạng (bao gồm: cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con, người có công nuôi liệt sĩ) theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng. Cụ thể:

+ Sinh viên là người có công với cách mạng.

+ Sinh viên là con của Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945.

+ Sinh viên là con của Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

+ Sinh viên là con của liệt sĩ/Bà mẹ Việt Nam anh hùng; con của anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; con của anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; con của bệnh binh; con của thương binh (bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31/12/1993); con của người hưởng chính sách như thương binh.

+ Sinh viên là con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

+ Sinh viên là con của người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày.

+ Sinh viên là con của người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế.

+ Sinh viên là con của người có công giúp đỡ cách mạng.

- Sinh viên là người khuyết tật.

- Sinh viên từ 16 đến 22 tuổi đang học giáo dục đại học văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 5, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/03/2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Cụ thể:

- + Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi.
- + Mồ côi cả cha và mẹ.
- + Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật.
- + Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội.
- + Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.
- + Cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật.
- + Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội.
- + Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.
- + Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội.
- + Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.
- + Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.
- Sinh viên hệ cử tuyển theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
- Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông, bà (trong trường hợp ở với ông, bà) thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
- Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định của Chính phủ về quy định chính sách đối với sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền. Cụ thể:
 - + Dân tộc thiểu số rất ít người bao gồm: La Hủ, La Ha, Pà Thén, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bô Y, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, Brâu, Ô Đu.
 - + Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định tại các Quyết định số: 57/2017/NĐ-CP, 81/2021/NĐ-CP, 131/QĐ-TTg,

861/QĐ-TTg, và các quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới về phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi (nếu có).

b) Đối tượng được giảm 70% học phí

Sinh viên là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) mà bản thân và cha hoặc mẹ có nơi thường trú tại thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

c) Đối tượng được giảm 50% học phí

Sinh viên có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

2. Hồ sơ xét miễn, giảm học phí

a) Hồ sơ với đối tượng được miễn học phí

- Sinh viên là người có công với cách mạng và/hoặc thân nhân của người có công với cách mạng

+ Đơn đề nghị MGHP (Phụ lục 01).

+ Bản sao/trích lục giấy khai sinh.

+ Giấy tờ chứng minh của người có công với cách mạng hoặc giấy xác nhận thuộc đối tượng do cơ quan quản lý đối tượng người có công xác nhận.

- Sinh viên là người khuyết tật

+ Đơn đề nghị MGHP (Phụ lục 01).

+ Giấy xác nhận khuyết tật do UBND cấp xã (phường) cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội đối với người khuyết tật của Chủ tịch UBND cấp huyện (hoặc cấp tỉnh).

- Sinh viên từ 16 đến 22 tuổi thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 5, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/03/2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội

+ Đơn đề nghị MGHP (Phụ lục 01).

+ Bản sao/trích lục giấy khai sinh.

+ Quyết định về việc trợ cấp xã hội hoặc giấy xác nhận mồ côi cả cha lẫn mẹ do UBND xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp; hoặc bản sao giấy chứng tử của cha/mẹ.

- Sinh viên hệ cử tuyển

+ Đơn đề nghị MGHP (Phụ lục 01).

- + Bản sao/trích lục giấy khai sinh.
 - + Bản sao quyết định cử đi học của UBND tỉnh;
 - Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông, bà (trong trường hợp ở với ông, bà) thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo
 - + Đơn đề nghị MGHP (Phụ lục 01).
 - + Bản sao/trích lục giấy khai sinh hoặc giấy chứng nhận là người dân tộc thiểu số.
 - + Bản sao sổ hoặc giấy chứng nhận hộ nghèo/hộ cận nghèo (theo từng học kỳ của năm học được hưởng chế độ miễn, giảm học phí).
 - Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền
 - + Đơn đề nghị MGHP (Phụ lục 01).
 - + Bản sao/trích lục giấy khai sinh hoặc giấy chứng nhận dân tộc thiểu số rất ít người.
 - + Giấy xác nhận nơi cư trú hoặc giấy chứng nhận/xác nhận của địa phương về việc sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.
- b) Hồ sơ với đối tượng được giảm 70% học phí
- Đơn đề nghị MGHP (Phụ lục 01).
 - Bản sao/trích lục giấy khai sinh hoặc giấy chứng nhận dân tộc thiểu số ít người.
 - Bản sao Giấy xác nhận nơi cư trú.
- c) Hồ sơ với đối tượng được giảm 50% học phí
- Đơn đề nghị MGHP (Phụ lục 01).
 - Bản sao/trích lục giấy khai sinh.
 - Quyết định hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do cơ quan bảo hiểm xã hội cấp.
- d) Người học thuộc diện miễn, giảm học phí chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian học tập. Riêng đối với người thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo thì vào mỗi đầu học kỳ phải nộp bổ sung giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ xét miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho kỳ học tiếp theo.

3. Số tiền miễn, giảm học phí

Người học được miễn, giảm học phí theo quy định hiện hành của Chính phủ.

Điều 5. Trợ cấp xã hội

Trường thực hiện trợ cấp xã hội đối với các đối tượng được quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg, ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập và các văn bản điều chỉnh có liên quan.

1. Đối tượng được trợ cấp xã hội

- a) Sinh viên là người dân tộc ít người hiện đang sinh sống ở vùng cao, thời gian sinh sống ít nhất từ 3 năm trở lên.
- b) Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa
- c) Sinh viên là người tàn tật theo quy định chung của Nhà nước và gặp khó khăn về kinh tế.
- d) Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập.

2. Hồ sơ xét trợ cấp xã hội

- a) Sinh viên là người dân tộc ít người hiện đang sinh sống ở vùng cao, thời gian sinh sống ít nhất từ 3 năm trở lên
 - Đơn đề nghị cấp TCXH (Phụ lục 02)
 - Bản sao/trích lục giấy khai sinh.
 - Giấy xác nhận thường trú từ 3 năm trở lên.
- b) Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa
 - Đơn đề nghị cấp TCXH (Phụ lục 02)
 - Giấy xác nhận mồ côi cả cha lẫn mẹ và không có nguồn chu cấp thường xuyên do UBND xã, phường cấp; hoặc bản sao (photo công chứng) quyết định về việc trợ cấp xã hội với đối tượng mồ côi cả cha lẫn mẹ của UBND cấp huyện (hoặc cấp tỉnh) cấp.
- c) Sinh viên là người tàn tật theo quy định chung của Nhà nước và gặp khó khăn về kinh tế.
 - Đơn đề nghị cấp TCXH (Phụ lục 02)
 - Biên bản giám định y khoa
 - Xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường về hoàn cảnh kinh tế khó khăn hoặc bản sao sổ/giấy chứng nhận hộ nghèo/hộ cận nghèo năm 2025.
- d) Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập.
 - Đơn đề nghị cấp TCXH (Phụ lục 02)
 - Giấy chứng nhận thuộc hộ nghèo, cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã (phường) xác nhận.

3. Số tiền trợ cấp xã hội

Đối tượng thuộc Điểm a, Khoản 1, Điều 5 được hưởng mức trợ cấp là

140.000đ/tháng, cấp 12 tháng trong năm. Các đối tượng thuộc Điểm b, c, d Khoản 1, Điều 5 được hưởng mức trợ cấp là 100.000đ/tháng, cấp 12 tháng trong năm.

Điều 6. Hỗ trợ chi phí học tập

Trường thực hiện hỗ trợ chi phí học tập đối với các đối tượng được quy định tại Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học và các văn bản điều chỉnh có liên quan.

1. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập

a) Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

b) Sinh viên thuộc 16 dân tộc thiểu số rất ít người.

2. Hồ sơ xét hỗ trợ chi phí học tập

a) Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo

- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập (Phụ lục 03).

- Bản sao/trích lục giấy khai sinh hoặc giấy chứng nhận dân tộc thiểu số.

- Bản sao sổ hoặc giấy chứng nhận hộ nghèo/hộ cận nghèo (theo năm được hỗ trợ chi phí học tập).

b) Sinh viên thuộc 16 dân tộc thiểu số rất ít người

- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập (Phụ lục 03).

- Bản sao/trích lục giấy khai sinh hoặc giấy chứng nhận dân tộc thiểu số rất ít người.

3. Số tiền hỗ trợ chi phí học tập

a) Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo

Mức hưởng: 60% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 10 tháng/sinh viên.

b) Sinh viên thuộc 16 dân tộc thiểu số rất ít người

Mức hưởng: 100% mức lương cơ sở/người/tháng.

Điều 7. Trình tự, thủ tục xét chế độ chính sách

- Mỗi đầu năm, Phòng Tài chính kế toán của Trường có trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách cấp bù miễn, giảm học phí; trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập gửi Kho bạc Nhà nước và thực hiện các thủ tục rút dự toán theo quy định.

- Trong vòng 45 ngày làm việc kể từ ngày khai giảng năm học, người học nộp đơn theo mẫu tại Phụ lục kèm theo bản sao các giấy tờ theo quy định tại Khoản 2 - Điều 4, Điều 5, Điều 6 Quy chế này cho Trung tâm sinh viên và quan

hệ doanh nghiệp. Cũng trong thời gian này, Phòng Tài chính kế toán có trách nhiệm lập danh sách mức thu học phí tại Trường và xác định mức tiền áp dụng miễn, giảm học phí tương ứng với từng ngành, khối ngành đào tạo trong năm học gửi Trung tâm sinh viên và quan hệ doanh nghiệp.

- Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ thời điểm kết thúc nhận hồ sơ, Trung tâm sinh viên và quan hệ doanh nghiệp lập danh sách những sinh viên được miễn, giảm học phí; trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập trình Hội đồng xét duyệt.

- Trong vòng 03 ngày làm việc tiếp theo, Hội đồng chế độ chính sách họp để xét duyệt và thông qua danh sách sinh viên được miễn, giảm học phí; trợ cấp xã hội; hỗ trợ chi phí học tập và trình Hiệu trưởng để ra quyết định công nhận. Hội đồng xét duyệt chế độ chính sách gồm: 1/ Hiệu trưởng (chủ tịch Hội đồng), 2/ Phó hiệu trưởng phụ trách công tác sinh viên, 3/ Giám đốc Trung tâm sinh viên và quan hệ doanh nghiệp, 4/ Trưởng Phòng Tài chính kế toán, 5/ Trưởng Phòng Quản lý đào tạo, 6/ Thư ký Hội đồng là chuyên viên của Trung tâm sinh viên và quan hệ doanh nghiệp.

- Trong vòng 02 ngày làm việc tiếp theo, Hiệu trưởng có trách nhiệm phê duyệt danh sách sinh viên được miễn, giảm học phí; trợ cấp xã hội; hỗ trợ chi phí học tập và ban hành quyết định công nhận.

- Trung tâm sinh viên và quan hệ doanh nghiệp phối hợp với Phòng Tài chính kế toán căn cứ vào quyết định danh sách sinh viên được miễn, giảm học phí; trợ cấp xã hội; hỗ trợ chi phí học tập để tiến hành các thủ tục cho sinh viên nhận tiền cấp bù theo quy định.

CHƯƠNG III

NỘI DUNG HỌC BỔNG

Điều 8. Phân loại học bổng

Các loại học bổng dành cho người học tại Trường được đề cập trong quy chế này gồm:

1. Học bổng khuyến khích học tập

Là học bổng trích từ nguồn thu học phí theo quy định của Chính phủ dành cho người học có kết quả học tập, rèn luyện từ loại khá trở lên, không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong kỳ nhận học bổng.

Số tiền trích: Theo quy định hiện hành của Chính phủ.

2. Học bổng Ngân hàng: Là học bổng từ nguồn Quỹ học bổng Ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, bao gồm Học bổng đặc biệt của Thống đốc và Học bổng của ngành Ngân hàng.

- Học bổng Đặc biệt của Thống đốc: Là một loại học bổng ngân hàng, dành cho người học đạt loại xuất sắc trong học tập và rèn luyện.

- Học bổng của ngành Ngân hàng: Là một loại học bổng ngân hàng, dành cho người học đạt loại giỏi trở lên trong học tập, loại tốt trở lên trong rèn luyện.

3. Học bổng xã hội: Là học bổng từ các nguồn lực xã hội, do nhà tài trợ (bao gồm các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, Hội cựu người học,...) tự nguyện đóng góp để hỗ trợ cho người học tại Trường. Học bổng xã hội bao gồm các loại học bổng sau:

a) Học bổng Tương hỗ: Dành cho người học có hoàn cảnh khó khăn, tích cực vươn lên trong học tập và rèn luyện.

b) Học bổng Tài năng: Dành cho người học có thành tích đặc biệt trong học tập và rèn luyện, bao gồm: Học bổng thủ khoa tuyển sinh, thủ khoa tốt nghiệp, hoặc các thành tích đặc biệt khác.

c) Học bổng Quốc tế: Dành cho sinh viên quốc tế tham gia học tập tại Trường.

d) Học bổng khác: (i) Tài trợ đột xuất cho người học khó khăn trong các trường hợp đặc biệt do tác động khách quan như thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp khác do Hiệu trưởng phê duyệt. (ii) Nhà tài trợ trực tiếp hỗ trợ người học có hoàn cảnh khó khăn, nỗ lực học tập, rèn luyện tốt hoặc/và thỏa mãn các điều kiện, tiêu chuẩn từ phía nhà tài trợ.

Điều 9. Điều kiện, tiêu chuẩn, nguyên tắc xét, cấp học bổng

1. Học bổng Khuyến khích học tập

a) Điều kiện, tiêu chuẩn

- Người học có kết quả học tập, rèn luyện đạt từ loại khá trở lên; tích lũy được từ 15 tín chỉ trở lên; không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong kỳ xét cấp học bổng. Cụ thể như sau:

+ Học bổng loại khá: Điểm trung bình chung học tập và rèn luyện đạt loại khá trở lên.

+ Học bổng loại giỏi: Điểm trung bình chung học tập đạt loại giỏi trở lên và điểm rèn luyện đạt loại tốt trở lên.

+ Học bổng loại xuất sắc: Điểm trung bình chung học tập và rèn luyện đều đạt loại xuất sắc.

- Việc xếp loại học lực, rèn luyện từng học kỳ được quy định trong Quy chế đào tạo và Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên hiện hành tại Trường.

- Kết quả học tập của sinh viên được tính ở chương trình đào tạo thứ nhất, không tính điểm học kỳ phụ (hè), điểm cải thiện, điểm học lại học phần.

b) Nguyên tắc xét, cấp

- Thứ tự ưu tiên được chọn lần lượt theo xếp loại học bổng từ loại xuất sắc trở xuống đến hết số suất học bổng đã được xác định trong phạm vi quỹ học

bổng khuyến khích học tập của trường.

- Trường hợp xếp loại học bổng bằng nhau, thứ tự ưu tiên lần lượt là: (i) Điểm trung bình chung học tập; (ii) điểm rèn luyện; (iii) số lượng tín chỉ tích lũy; (iv) sinh viên là cán bộ lớp, cán bộ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, cán bộ Hội sinh viên Việt Nam; (v) sinh viên có thành tích trong việc tham gia các hoạt động phong trào, các cuộc thi chuyên môn, học thuật trong học kỳ.

2. Học bổng Ngân hàng

a) Điều kiện, tiêu chuẩn

- Học bổng Đặc biệt của Thống đốc: Điểm trung bình chung học tập cả năm học đạt từ 9.0 trở lên, không có môn nào dưới 7.0 (tính theo thang điểm 10); tích lũy từ 30 tín chỉ trở lên; điểm rèn luyện đạt từ 80 trở lên.

- Học bổng của ngành Ngân hàng: Điểm trung bình chung học tập cả năm học đạt từ 8.0 trở lên, không có môn nào dưới 7.0 (tính theo thang điểm 10); tích lũy từ 30 tín chỉ trở lên; điểm rèn luyện đạt từ 80 trở lên.

b) Nguyên tắc xét, cấp:

- Thứ tự ưu tiên lần lượt theo xếp loại học tập, số tín chỉ tích lũy, xếp loại rèn luyện cho tới khi hết số suất được cấp theo từng năm học.

- Số suất Học bổng Ngân hàng được phân bổ cân đối, hợp lý, bảo đảm tính đại diện của sinh viên các khóa học. Sinh viên thuộc cùng một khóa học được xét cấp không quá 50% tổng số suất học bổng đặc biệt và không quá 40% tổng số suất học bổng của Ngành phân bổ về Trường, trừ trường hợp sinh viên thuộc các khóa học khác không đủ điều kiện để xét cấp hết số suất học bổng được phân bổ.

- Không cấp Học bổng Ngân hàng đối với sinh viên đã được nhận học bổng từ nguồn tài trợ khác (ngoài học bổng của Nhà nước).

3. Học bổng Xã hội

a) Học bổng Tương hỗ:

- Điều kiện, tiêu chuẩn: Người học có hoàn cảnh khó khăn (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền); có kết quả học tập và rèn luyện đạt từ loại khá trở lên.

- Nguyên tắc xét, cấp: Thứ tự ưu tiên lần lượt theo hoàn cảnh khó khăn, xếp loại học tập, xếp loại rèn luyện.

b) Học bổng Tài năng:

- Điều kiện, tiêu chuẩn: Dành cho người học có thành tích đặc biệt trong học tập và rèn luyện. Cụ thể:

Thủ khoa tuyển sinh: Người học có điểm tuyển sinh cao nhất trong năm xét tuyển.

Thủ khoa tốt nghiệp: Người học có xếp loại tốt nghiệp xuất sắc và có kết

quả học tập toàn khóa cao nhất các đợt xét tốt nghiệp trong năm.

Thành tích đặc biệt khác: Người học có thành tích đặc biệt khác trong học tập và rèn luyện theo từng trường hợp cụ thể như: đạt thành tích cao trong các cuộc thi học thuật, nghiên cứu khoa học, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cấp quốc gia, quốc tế và các trường hợp đạt thành tích đặc biệt khác.

- Nguyên tắc xét, cấp:

Thủ khoa tuyển sinh: người học có điểm trúng tuyển đầu vào Trường cao nhất theo thứ tự từ trên xuống, không tính điểm cộng ưu tiên (khu vực/đối tượng,...) trong năm xét tuyển.

Thủ khoa tốt nghiệp: Thứ tự ưu tiên xét là xếp loại tốt nghiệp, kết quả học tập toàn khóa, kết quả rèn luyện toàn khóa.

Thành tích đặc biệt khác: Do Hiệu trưởng phê duyệt trên cơ sở đề xuất của Trung tâm sinh viên và quan hệ doanh nghiệp.

c) Học bổng Quốc tế: Dành cho sinh viên quốc tế tham gia học tập tại Trường.

- Điều kiện, tiêu chuẩn: Người học là sinh viên quốc tế đang học tập tại Trường (ngoài kế hoạch đào tạo theo Hiệp định của Chính phủ).

- Nguyên tắc xét, cấp: Đảm bảo trang trải ở mức tối thiểu học phí, sinh hoạt phí và chi phí đi lại 01 lượt đi, 01 lượt về trong khóa đào tạo.

d) Học bổng khác:

- Điều kiện, tiêu chuẩn:

+ Người học khó khăn trong các trường hợp đặc biệt, đột xuất do tác động khách quan như thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp khác do Hiệu trưởng quyết định; hoặc do nhà tài trợ trực tiếp lựa chọn điều kiện, tiêu chuẩn xét, cấp.

- Nguyên tắc xét, cấp: Thứ tự ưu tiên lần lượt theo hoàn cảnh khó khăn, xếp loại học tập, xếp loại rèn luyện; hoặc theo thứ tự ưu tiên do nhà tài trợ lựa chọn.

e) Nguyên tắc chung

Trong cùng một năm học, nếu người học đã được nhận một loại học bổng từ các nguồn khác nhau (bao gồm học bổng Khuyến khích học tập, học bổng Ngân hàng và các loại học bổng xã hội xét trước đó) thì ưu tiên xét đối với người học chưa được nhận bất kỳ một loại học bổng nào. Trường hợp đã hết số lượng ưu tiên, người học có thể được xét nhiều loại học bổng trong một năm học nhưng phải đảm bảo tổng giá trị các loại học bổng nhận được trong một năm học không vượt quá mức học phí thực tế mà người học đóng cho Trường trong năm học đó.

Điều 10. Mức học bổng, thời gian xét, hưởng học bổng

1. Học bổng Khuyến khích học tập

a) Mức học bổng: Tính theo mức học phí hiện hành trong học kỳ/năm học xét học bổng trên cơ sở nguồn học bổng theo quy định và gồm ba mức: khá, giỏi, xuất sắc.

- Mức học bổng loại khá: Bằng 1,0 lần mức trần học phí hiện hành mà sinh viên đóng tại Trường theo quy định.

- Mức học bổng loại giỏi: Bằng 1,1 lần mức trần học phí hiện hành mà sinh viên đóng tại Trường theo quy định.

- Mức học bổng loại xuất sắc: Bằng 1,2 lần mức trần học phí hiện hành mà sinh viên đóng tại Trường theo quy định.

b) Thời gian xét: Sau khi kết thúc mỗi học kỳ chính.

c) Thời gian được hưởng học bổng: Cấp theo từng học kỳ chính (học kỳ 1, học kỳ 2) và cấp 10 tháng/năm học.

2. Học bổng Ngân hàng: theo phân bổ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước cho từng năm học.

3. Học bổng xã hội

a) Mức học bổng

- Học bổng Tương hỗ: Bằng mức trần học phí hiện hành mà sinh viên đóng theo năm học tại Trường theo quy định.

- Học bổng Tài năng: Tùy theo nguồn kinh phí thực tế huy động của từng năm và đề nghị của Trung tâm sinh viên và quan hệ doanh nghiệp trên cơ sở phối hợp với các đơn vị có liên quan.

- Học bổng Quốc tế: Tùy theo nguồn kinh phí thực tế huy động của từng năm học và đề nghị của Trung tâm sinh viên và quan hệ doanh nghiệp. Đảm bảo không vượt quá tổng giá trị của mức học phí thực tế, chi phí sinh hoạt (trương đương dạng Hiệp định) và chi phí đi lại 01 lượt đi (nhập học) và 01 lượt về (tốt nghiệp) theo vé máy bay hạng phổ thông.

- Học bổng khác: Học bổng tài trợ đột xuất do Trung tâm sinh viên và quan hệ doanh nghiệp trình Hiệu trưởng phê duyệt trên cơ sở hoàn cảnh, điều kiện thực tế. Học bổng tài trợ trực tiếp do nhà tài trợ đề xuất.

b) Thời gian xét:

- Đối với Học bổng Tương hỗ, Học bổng Tài năng và Học bổng Quốc tế: Xét khi kết thúc mỗi năm học và/hoặc theo đề nghị của nhà tài trợ.

- Đối với Học bổng khác: Học bổng tài trợ đột xuất do đơn vị đầu mối phụ trách trình Hiệu trưởng phê duyệt theo từng thời điểm thực tế. Học bổng tài trợ trực tiếp do nhà tài trợ đề xuất.

c) Thời gian được hưởng học bổng: Theo năm học.

Điều 11. Quy trình xét, cấp học bổng

1. Học bổng khuyến khích học tập

(i) Kết thúc mỗi học kỳ, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thông báo thời gian chốt kết quả học tập.

(ii) Phòng Tài chính Kế toán thông báo số tiền quỹ học bổng khuyến khích học tập của học kỳ.

(iii) Trong vòng 10 ngày sau khi chốt điểm học tập và rèn luyện mỗi học kỳ, Trung tâm sinh viên và quan hệ doanh nghiệp thống kê danh sách sinh viên đủ điều kiện xét, cấp học bổng, lập dự thảo danh sách sinh viên nhận học bổng và cho sinh viên kiểm dò.

(iv) Công bố danh sách dự kiến và tiếp nhận, giải đáp thắc mắc của sinh viên. Thời gian kiểm dò là 10 ngày làm việc kể từ ngày công bố danh sách dự kiến.

(v) Dựa trên kết quả kiểm dò của sinh viên, Trung tâm sinh viên và quan hệ doanh nghiệp trình Hội đồng cấp Trường.

(vi) Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm dò, Hội đồng họp, thông qua danh sách sinh viên nhận học bổng.

(vii) Trình Hiệu trưởng phê duyệt.

(viii) Công bố quyết định và danh sách sinh viên được cấp học bổng.

(ix) Lưu hồ sơ.

(x) Thực hiện báo cáo theo yêu cầu.

2. Học bổng Ngân hàng

(i) Kết thúc mỗi năm học, đơn vị chức năng làm đầu mối tiếp nhận công văn phân bổ học bổng từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(ii) Thống kê danh sách sinh viên đủ điều kiện xét, cấp học bổng.

(iii) Công bố danh sách dự kiến.

(iv) Tiếp nhận, giải đáp thắc mắc của sinh viên.

(v) Trình Hội đồng cấp Trường.

(vi) Hội đồng họp, thông qua danh sách sinh viên nhận học bổng.

(vii) Làm công văn đề nghị xét, cấp học bổng, trình Hiệu trưởng ký.

(viii) Trình Thống đốc (thông qua Vụ Tổ chức cán bộ).

(ix) Công bố quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và trao học bổng, giấy chứng nhận.

(x) Thực hiện báo cáo gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(xi) Lưu hồ sơ: Các quyết định và danh sách sinh viên nhận học bổng.

(xii) Thực hiện báo cáo theo yêu cầu.

3. Học bổng xã hội

Vào đầu mỗi năm học, Trung tâm sinh viên và quan hệ doanh nghiệp thực hiện việc huy động tài trợ từ các nguồn xã hội theo trình tự sau:

- (i) Lập kế hoạch tìm kiếm nguồn tài trợ.
- (ii) Phê duyệt, ban hành kế hoạch.
- (iii) Tìm kiếm các nguồn tài trợ.
- (iv) Tiếp nhận các nguồn tài trợ.

Sau khi tiếp nhận các nguồn tài trợ, tùy theo yêu cầu của nhà tài trợ, quy trình xét duyệt sẽ theo một trong ba trường hợp sau:

a) Đối với học bổng do Trường xét duyệt

- (i) Thông báo đến sinh viên vào mỗi đợt xét.
- (ii) Tiếp nhận hồ sơ của sinh viên.

(iii) Xem xét và lập danh sách các hồ sơ đạt yêu cầu để trình Hội đồng cấp Trường xét, duyệt.

(iv) Hội đồng họp để xét, duyệt.

(v) Hiệu trưởng ra quyết định cấp học bổng.

(vi) Tiến hành công bố và trao học bổng.

(vii) Lưu hồ sơ: Các quyết định và danh sách sinh viên nhận học bổng.

(viii) Thực hiện báo cáo theo yêu cầu.

b) Đối với học bổng do Nhà tài trợ xét duyệt

(i) Tiếp nhận yêu cầu của nhà tài trợ.

(ii) Thông báo tới sinh viên.

(iii) Tiếp nhận hồ sơ của sinh viên.

(iv) Lọc danh sách toàn bộ sinh viên nộp hồ sơ gửi tới nhà tài trợ.

(v) Tiếp nhận quyết định danh sách sinh viên được nhận học bổng.

(vi) Công bố và phối hợp tổ chức lễ trao học bổng.

(vii) Lưu hồ sơ

(viii) Thực hiện báo cáo theo yêu cầu.

c) Đối với học bổng do Nhà tài trợ đề nghị Trường đề xuất danh sách xét duyệt

(i) Tiếp nhận yêu cầu của nhà tài trợ.

(ii) Thông báo tới sinh viên.

(iii) Tiếp nhận hồ sơ của sinh viên.

(iv) Xem xét và lập danh sách các hồ sơ đạt yêu cầu để trình Hội đồng cấp Trường xét, duyệt.

- (v) Hội đồng học để xét, duyệt.
- (vi) Gửi danh sách đề nghị cấp học bổng tới nhà tài trợ
- (vii) Tiếp nhận kết quả dự thảo và phản hồi.
- (viii) Tiếp nhận quyết định danh sách sinh viên được nhận học bổng.
- (ix) Công bố và phối hợp tổ chức lễ trao học bổng.
- (x) Lưu hồ sơ
- (xi) Thực hiện báo cáo theo yêu cầu.

Điều 12. Tổ chức thực hiện việc xét, cấp học bổng

1. Hội đồng xét duyệt học bổng

a) Tổ chức học Hội đồng xét duyệt học bổng:

- Học bổng Khuyến khích học tập: Học Hội đồng xét duyệt học bổng theo 02 học kỳ chính mỗi năm học.
- Học bổng Ngân hàng: Học Hội đồng xét duyệt học bổng theo năm học.
- Học bổng xã hội: Học Hội đồng xét duyệt học bổng theo năm học và theo từng thời điểm tiếp nhận học bổng từ nhà tài trợ.
- Khi cần thiết, Hội đồng xét duyệt học bổng có thể họp các phiên bất thường.

b) Cách thức học Hội đồng xét duyệt học bổng: Học trực tiếp hoặc trực tuyến, hoặc xin ý kiến của Hội đồng qua thư điện tử.

c) Thành phần Hội đồng xét duyệt học bổng gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách.
- Thường trực Hội đồng: Giám đốc Trung tâm sinh viên và quan hệ doanh nghiệp hoặc Phó Giám đốc được phân công.
- Ủy viên: Là đại diện lãnh đạo của các đơn vị liên quan: Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Quản lý đào tạo, Trung tâm sinh viên và quan hệ doanh nghiệp, Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên, đại diện lãnh đạo các khoa/viện quản lý người học và các đơn vị khác theo phân công của Hiệu trưởng.
- Thư ký: Là chuyên viên Trung tâm sinh viên và quan hệ doanh nghiệp.

2. Trung tâm sinh viên và quan hệ doanh nghiệp

a) Là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị tham mưu Ban Giám hiệu tổ chức huy động, quản lý các nguồn quỹ học bổng, xét và cấp học bổng cho người học.

b) Phối hợp với các đơn vị tổ chức xét và cấp học bổng theo đúng quy định.

c) Quản lý dữ liệu người học được nhận học bổng.

d) Đầu mỗi tổng hợp, báo cáo định kỳ công tác quản lý, xét và cấp các loại học bổng đối với người học.

e) Định kỳ hàng năm, tham mưu Ban Giám hiệu về việc điều chỉnh, bổ sung nội dung của Quy chế này cho phù hợp với tình hình thực tế.

3. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng: Phối hợp rà soát kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên để xét, cấp học bổng đúng tiến độ quy định.

4. Phòng Quản lý Công nghệ thông tin: Hỗ trợ kỹ thuật, cài đặt điều kiện xét, cấp học bổng và trích xuất dữ liệu, rà soát kết quả.

5. Viện Nghiên cứu khoa học và Công nghệ ngân hàng: Cung cấp danh sách sinh viên đạt thành tích nghiên cứu khoa học trong mỗi năm học để thực hiện công tác xét học bổng.

6. Phòng Tài chính Kế toán

- Thống kê số tiền quỹ xét học bổng khuyến khích học tập của mỗi học kỳ.

- Đối chiếu số liệu về các khoản tài trợ với Trung tâm sinh viên và quan hệ doanh nghiệp.

- Phối hợp với Trung tâm sinh viên và quan hệ doanh nghiệp xây dựng phương án phân bổ học bổng khuyến khích học tập trình Hiệu trưởng xét duyệt.

- Phối hợp với Trung tâm sinh viên và quan hệ doanh nghiệp ra thông báo về việc chi trả và chi trả Học bổng theo đúng tiến độ. Thực hiện các thủ tục về tài chính đối với các nội dung có liên quan.

7. Phòng Tuyển sinh và Truyền thông: Thực hiện công tác truyền thông về học bổng đến người học.

8. Các đơn vị khác trong toàn Trường

- Phối hợp, hỗ trợ Trung tâm sinh viên và quan hệ doanh nghiệp trong việc kết nối, huy động và tiếp nhận các nguồn học bổng tài trợ từ đơn vị bên ngoài, góp phần phát triển nguồn học bổng.

- Truyền thông các chương trình học bổng đến người học.

- Kịp thời phát hiện, tham mưu và giới thiệu những sinh viên tích cực tham gia đóng góp cho sự phát triển chung của Nhà trường, những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, nỗ lực vươn lên trong học tập, rèn luyện nhận học bổng.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Các quy định trước đây trái với Quy chế này không còn hiệu lực.

3. Trường các đơn vị, toàn thể cán bộ, giảng viên, viên chức và người học của Trường chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản trong quy chế này do Hiệu trưởng quyết định./.

 **HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Đức Trung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

Năm học:

Kính gửi: - BGH Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh
- Trung tâm Sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp.

Họ và tên:.....Số căn cước/căn cước công dân.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:.....

Lớp:.....Khóa:.....Khoa.....

Mã số sinh viên:.....

Thông tin tài khoản của sinh viên mở tại Ngân hàng để chuyển tiền (*ghi chính xác, không sử dụng tài khoản của người khác*), gồm:

- Tên chủ tài khoản:.....

- Số tài khoản:.....

- Mở tại Ngân hàng:.....Chi nhánh:.....

Thuộc đối tượng:(ghi rõ đối tượng được quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP: miễn, giảm 70% hay giảm 50% học phí)

Căn cứ vào Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, tôi làm đơn này đề nghị được Nhà trường xem xét để được miễn, giảm học phí theo quy định hiện hành.

.....ngày, ...tháng.....năm

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
Năm học:

Kính gửi: - BGH Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh
- Trung tâm Sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:.....

Lớp:.....Khóa:.....Khoa.....

Mã số sinh viên:.....

Thông tin tài khoản của sinh viên mở tại Ngân hàng để chuyển tiền (*ghi chính xác, không sử dụng tài khoản của người khác*), gồm:

- Tên chủ tài khoản:.....
- Số tài khoản:.....
- Mở tại Ngân hàng:.....Chi nhánh:.....

Thuộc đối tượng:

- Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo
- Sinh viên thuộc 16 dân tộc thiểu số rất ít người

Tôi làm đơn này đề nghị được Nhà trường xem xét để được hỗ trợ chi phí học tập theo quy định và chế độ hiện hành.

.....ngày,tháng.....năm

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP TRỢ CẤP XÃ HỘI

(Dùng cho học sinh, sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập)

Kính gửi: - BGH Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh
 - Trung tâm Sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:.....

Lớp:.....Khóa:.....Khoa.....

Mã số sinh viên:.....

Thông tin tài khoản của sinh viên mở tại Ngân hàng để chuyển tiền (*ghi chính xác, không sử dụng tài khoản của người khác*), gồm:

- Tên chủ tài khoản:.....
- Số tài khoản:.....
- Mở tại Ngân hàng:.....Chi nhánh:.....

Thuộc đối tượng:

- SV là người dân tộc ít người hiện đang sinh sống ở vùng cao
- SV mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa
- Sinh viên là người tàn tật
- SV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó trong học tập.

Tôi làm đơn này đề nghị được Nhà trường xem xét để được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định và chế độ hiện hành.

....., ngày ... tháng ... năm

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

